

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02-11-2021

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Nhân

2. Ông Lê Minh Chiến

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Mai Đoàn Thục - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Đồng Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 262/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Phước Phú H, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: 11 đường T, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Minh T1, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: 11 đường T, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định

Hiện làm việc tại: 201/29 đường V, phường A, Quận, Thành Phố H.

(Chị H, anh T1 cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Phước Phú H trình bày:** Chị và anh Nguyễn Minh T1 tổ chức lễ cưới vào năm 2001, đến năm 2004 mới tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn

B (nay là phường B). Sau khi cưới, vợ chồng vào sống làm việc tại TP. H, đến năm 2003 khi chị sinh con đầu lòng thì quay về sống tại nhà chồng ở địa chỉ 340 đường T, phường B. Được mấy năm vợ chồng lại vào TP. H làm ăn sinh sống, đến năm 2008 khi chị sinh con thứ hai thì vợ chồng chuyển về sống tại tỉnh B. Vợ chồng chung sống bình thường không có mâu thuẫn gì lớn, đến năm 2020 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân do anh T1 thường xuyên nhậu về khuya rồi kiếm chuyện gây gổ với vợ con, gây ảnh hưởng đến tâm lý và việc học hành của các con. Đến tháng 12 năm 2020 thì vợ chồng thuê nhà ra ở riêng nhưng thường xuyên kinh cãi làm không khí trong gia đình luôn căng thẳng, cuối năm 2020 anh T1 đi làm có khi về nhà, có lúc qua nhà mẹ chồng ở. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Minh T1.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con tên Nguyễn Tiến Hương G sinh ngày 08.11.2001, Nguyễn Minh T2 sinh ngày 30.7.2003 và Nguyễn Minh T3 sinh ngày 19.5.2008 hiện đang ở chị. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu T3, yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con 2.500.000đ/tháng. Còn cháu G và cháu T2 hiện đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo biên bản ghi lời khai bị đơn anh Nguyễn Minh T1 trình bày:* Anh và chị Nguyễn Phước Phú H tổ chức lễ cưới vào năm 2001, đến năm 2004 tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B (nay là phường B). Vợ chồng mâu thuẫn và không sống chung với nhau đã hơn 1 năm. Hiện tại vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên anh thống nhất ly hôn với chị Nguyễn Phước Phú H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con tên Nguyễn Tiến Hương G sinh ngày 08.11.2001, Nguyễn Minh T2 sinh ngày 30.7.2003 và Nguyễn Minh T3 sinh ngày 19.5.2008 hiện đang ở chị H. Hiện cháu G và cháu T2 đã trưởng thành, anh không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu T3, anh thống nhất giao cho chị H nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.500.000đ/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Phước Phú H và anh Nguyễn Minh T1
2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị H, anh T1 giao cháu T3 cho chị H nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đ cho đến khi cháu T3 đủ 18 tuổi.
3. Về tài sản chung: Chị H, anh T1 không yêu cầu giải quyết
4. Án phí: Buộc các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Phước Phú H và anh Nguyễn Minh T1 cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh T1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Phước Phú H và anh Nguyễn Minh T1 có thời gian tìm hiểu và tự nguyện xác lập hôn nhân, tuân thủ các điều kiện về kết hôn, được UBND thị trấn B (nay là phường B) cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên trong quá trình chung sống, chị H và anh T1 cùng xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn căng thẳng từ tháng 12 năm 2020 nên sống ly thân cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh T1 cùng xác định vợ chồng không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với nhau nên thống nhất thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên anh T1 đang làm việc tại Thành Phố H và do tình hình dịch covid19 nên có đơn không yêu cầu hòa giải và xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án không tiến hành phiên họp hòa giải để ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa chị H và anh T1. Trên cơ sở xem xét yêu cầu của chị H, anh T1 thấy rằng việc thuận tình ly hôn của hai anh chị là tự nguyện, phù hợp với thực tế mâu thuẫn sống ly thân nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Phước Phú H và anh Nguyễn Minh T1.

[2.2] Về con chung: Chị H, anh T1 cùng xác định vợ chồng có 03 người con tên Nguyễn Tiến Hương G sinh ngày 08.11.2001, Nguyễn Minh T2 sinh ngày 30.7.2003 và Nguyễn Minh T3 sinh ngày 19.5.2008 hiện đang ở chị H. Ly hôn chị H, anh T1 cùng thống nhất thỏa thuận giao người con Nguyễn Minh T3 cho chị H nuôi dưỡng, anh T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đ. Xét sự thỏa thuận của chị H, anh T1 về việc nuôi dưỡng và mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của cháu T3 nên công nhận giao cháu Nguyễn Minh T3 cho chị H tiếp nuôi dưỡng, chăm

sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành và anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T3 mỗi tháng 2.500.000đ cho đến khi cháu T3 đủ 18 tuổi. Đối với hai người con Nguyễn Tiên Hương G và Nguyễn Minh T2 đã trưởng thành, chị H anh T1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh T1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội số 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và mục 11 phần IV giải đáp số 02/TANDTC ngày 02.8.2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao v/v giải đáp một số vướng mắc trong xét xử. Chị Nguyễn Phước Phú H phải chịu 75.000 đồng tiền án phí hôn nhân được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, còn lại 225.000 đồng hoàn trả cho chị H theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004872 ngày 25.6.2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn. Anh Nguyễn Minh T1 phải chịu 75.000 đồng tiền án phí hôn nhân và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng anh T1 phải chịu là 225.000 đồng.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 117, 116 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5, Điểm b Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội số 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Phước Phú H và anh Nguyễn Minh T1.

2- Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn:

2.1 Giao người con tên Nguyễn Minh T3 sinh ngày 19.5.2008 cho chị Nguyễn Phước Phú H tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế

quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Minh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi người con Nguyễn Minh T3 sinh ngày 19.5.2008 mỗi tháng số tiền là 2.500.000đ, thời điểm cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ tháng 11 năm 2021 cho đến khi cháu T3 đủ 18 tuổi.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi, việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H, anh T1 không yêu cầu giải quyết.

4- Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Phước Phú H phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, còn lại 225.000 đồng hoàn trả cho chị H theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004872 ngày 25.6.2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn. Anh Nguyễn Minh T1 phải chịu 75.000 đồng tiền án phí hôn nhân và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng anh T1 phải chịu là 225.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

5- Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. An Nhơn
- Chi cục THA TX. An Nhơn
- UBND phường B
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn

Trần Thị Mỹ Lệ

